

**QUYẾT ĐỊNH**  
**HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ**  
**ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Đình Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:** Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo như sau:

a. Ngày 08/7/2003, bị đơn ông Bạch Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án chưa hợp lý vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

b. Ngày 07/7/2003, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Ông H không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm sát nhập lô đất diện tích 81m<sup>2</sup> vào tài sản thừa kế để chia không đúng với thực tế, vì lô đất này ông đã được cha và mẹ (khi còn sống) cho và thực tế ông đã quản lý sử dụng từ trước đến nay. Đồng thời, Ông H yêu cầu được áp dụng giá tài sản theo mức giá của Hội đồng định giá của Nhà nước, xin giảm án phí và kháng cáo các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

c. Ngày 07/7/2003, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Thái S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Ông S cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền ông đã bỏ ra 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để chi phí sửa chữa căn nhà 96/2 khu phố 8A, phường T, thành phố B, mà chỉ chấp nhận số tiền chi phí sửa chữa 28.108.000đ (hai mươi tám triệu một trăm không tám ngàn đồng) làm thiệt hại đến quyền lợi của ông và gia đình, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Đồng thời, Ông S xin được giảm án phí và kháng cáo các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

d. Ngày 08/7/2003, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bạch Thu H2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung cho rằng, ngôi nhà số 96A/2 khu phố 8A, phường T, thành phố B, cùng ngôi nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm nằm trên diện tích đất 28m<sup>2</sup> phía sau, đã được ông bà nội cho đứt cha mẹ của bà từ trước; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cộng chung phần tài sản này vào khối tài sản chung để chia thừa kế là không đúng; nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử lại.

### **XÉT THẤY:**

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Bạch Văn T chết ngày 08/9/2003. Tại Quyết định tạm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số: 392/DSPT ngày 18/11/2003, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy, theo hợp đồng ủy quyền số 37 ngày 17/01/2003 ông Bạch Văn T (bị đơn) ủy quyền cho ông Bạch Văn H được quyền thay ông đến tòa để giải quyết vụ kiện. Nay được biết ông Bạch Văn T đã chết vào lúc 11 giờ 30 ngày 08/9/2003 tại nhà do bệnh già, hợp đồng ủy quyền trên đã được chấm dứt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 594 Bộ luật Dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 45 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, quyết định: Tạm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với vụ kiện “Tranh chấp di sản thừa kế” giữa ông Bạch Văn C kiện ông Bạch Văn T ủy quyền cho ông Bạch Văn H; Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tiếp tục đưa vụ kiện ra xét xử theo trình tự phúc thẩm sau khi các đồng thừa kế của ông Bạch Văn T thống nhất việc ủy quyền.

[2] Ngày 21/5/2020, người kháng cáo bà Bạch Thu H2 có Đơn xin rút kháng cáo, đơn do người đại diện theo ủy quyền của bà H2 là bà Phạm Thị Thu H1 thực hiện. Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Thu H2 là bà Phạm Thị Thu H1 trình bày việc bà H2 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện.

[3] Ngày 10/3/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 01/2022/QĐPT để tiếp tục giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” giữa nguyên đơn ông Bạch Văn C với bị đơn ông Bạch Văn T (chết năm 2003) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/6/2022, nguyên đơn ông Bạch Văn C xin rút đơn khởi kiện.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bạch Văn C như trên là hoàn toàn tự nguyện và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập. Theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội Đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn ông Bạch Văn T đã chết ngày 08/9/2003, đến nay những người thuộc trường hợp được thừa kế theo pháp luật đối với quyền và nghĩa vụ

về tài sản của ông T không tiến hành các thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được coi là thuộc trường hợp bị đơn là cá nhân chết mà quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, trong trường hợp này, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5.1] Tuy nhiên, nguyên đơn ông Bạch Văn C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5.2] Đối với trường hợp bị đơn ông Bạch Văn T, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định ông T phải chịu 4.558.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông T đã chết ngày 08/9/2003, những người thuộc trường hợp được thừa kế theo pháp luật đối với quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông T không tiến hành các thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy quyết định của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm đối với ông T.

[5.3] Đối với trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Nam H3, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định ông H3 phải chịu 4.558.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Thu H2 là bà Phạm Thị Thu H1 đã trình bày ông H3 đã chết cách đây vài năm (bà H2 không nhớ rõ thời điểm); đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Bạch Văn C cũng xác nhận ông H3 chết khi đang sinh sống ở nước ngoài nhưng không xác định được người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H3. Qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quyết định ông Bạch Nam H3 phải chịu 4.558.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là thuộc trường hợp khó khăn, không khả thi trong việc thi hành án, nên cần phải hủy quyết định của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm đối với ông H3.

[6] Về án phí án phí dân sự phúc thẩm, trong trường hợp này, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự có kháng cáo phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp người kháng cáo ông Bạch Văn T đã nộp 50.000 (năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 001328 ngày 09/7/2003 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T phải chịu một nửa án phí phúc thẩm là 25.000 đồng và được hoàn trả lại một nửa án phí

phúc thẩm là 25.000 đồng. Tuy nhiên, ông T đã chết ngày 08/9/2003, những người thuộc trường hợp được thừa kế theo pháp luật đối với quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông T không tiến hành các thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, điểm a khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 18 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1-** Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 196/2003/PT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2003 về “*Tranh chấp thừa kế*”; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bạch Văn C, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 227/3, Tổ 18, Khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Bạch Văn T, sinh năm 1930, chết ngày 08/9/2003;

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Bạch Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 96B/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.2. Ông Bạch Thái S, sinh 1971; địa chỉ: Số 96/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.3. Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 96A/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.4. Ông Bạch Thanh L, sinh năm 1979;

3.5. Bà Bạch Mộng T, sinh năm 1976;

3. Cùng địa chỉ: Số 111/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.6. Bà Bạch Thu H2, sinh năm 1984;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H2 (theo Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2003):* Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Số 96A/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.7. Bà Bạch Thị Thu T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 111/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.8. Ông Bạch Nam H3, sinh năm 1955; địa chỉ: 20655 Spinnakenst # 5 Anaheim CA 92802 USA.

3.9. Bà Bạch Thị H4, sinh năm 1977; địa chỉ: 4930 Beech St. Baton Rouge La 70805 USA.

3.10. Bà Bạch Ngọc B, sinh 1973; địa chỉ: 12417 Astolat Ave Baton Rouge La 70806 USA.

3.11. Bà Bạch Thị Tuyết M, sinh năm 1966; địa chỉ: 10 Bliburg S.T jacanavie 3047 Australia.

3.12. Bà Bạch Thị Ngọc D, sinh năm 1962; địa chỉ: 78 Cole Rd Guelpl N1G-4S4 Ontario Canada.

3.13. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 111/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.14. Ông Bạch Trần Tuấn L1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 111A/2, Khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

## 2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc ông Bạch Văn T phải nộp 4.558.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và ông Bạch Nam H3 phải nộp 4.558.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Bạch Văn C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông C số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông C đã nộp theo Biên lai thu số 9626, quyền số 00153, ngày 12/11/2002 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai (BL 01).

2.3. Ông Bạch Văn H phải nộp 8.558.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Ông Bạch Thái S phải nộp 16.675.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.5. Bà Bạch Thu H2 phải nộp 4.558.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.6. Bà Bạch Thị Thu T1 phải nộp 2.280.000đ (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

## 3- Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Ông Bạch Văn T phải nộp 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 001328 ngày 09/7/2003 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai (bl 282); số tiền 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm còn lại được sung vào công quỹ Nhà nước.

3.2. Ông Bạch Văn H phải nộp 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân

sự phúc thẩm Ông H đã nộp theo Biên lai thu số 001325 ngày 07/7/2003 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai (BL 276); hoàn trả lại cho Ông H số tiền 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm còn lại.

3.3. Ông Bạch Thái S phải nộp 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Ông S đã nộp theo Biên lai thu số 001326 ngày 07/7/2003 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai (BL 275); hoàn trả lại cho Ông S số tiền 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm còn lại.

3.4. Bà Bạch Thu H2 phải nộp 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H2 đã nộp theo Biên lai thu số 001327 ngày 08/7/2003 của Phòng Thi hành án tỉnh Đồng Nai (BL 281); hoàn trả lại cho bà H2 số tiền 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm còn lại.

**4-** Nguyên đơn ông Bạch Văn C có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

**5-** Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định là ngày 29 tháng 6 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Đình Thanh**